| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẦN GIUỘC**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2019
*"V/v tranh chấp ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà*: Bà Võ Thị Minh Hiệp
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Nguyễn Minh Chí
2. Bà Lê Thúy Ngân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thùy Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 546/2018/TLST–HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Giang Thị Tr, sinh năm 1971, cư trú tại: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*2. Bị đơn*: Ông Trương Ngọc A, sinh năm 1971, cư trú tại: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15 tháng 10 năm 2018 cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Giang Thị Tr trình bày: Bà và ông Trương Ngọc A kết hôn vào năm 1994, theo giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01/1994, số 191 ngày 10/5/1994 tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố H. Thời gian đầu cuộc sống giữa bà và ông A cũng hạnh phúc, đến đầu năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do liên quan đến vấn đề kinh tế trong gia đình, ông A đi làm nhưng không phụ bà chi tiêu trong gia đình, mọi việc đều do một mình bà lo. Từ đó dẫn đến bà và ông A hay cãi nhau. Bên cạnh đó, giữa bà và ông A ngày càng bộc lộ những quan điểm bất đồng trong lối sống, tính cách. Cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng, không ai quan tâm đến ai. Từ giữa năm 2018 đến nay thì bà và ông A đã không còn sống chung với nhau. Nay bà thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông A. Về con chung: bà và ông A có 02 con chung là Trương Giang Yến N, sinh ngày 27/6/1994 và Trương Giang Kim Ph, sinh ngày 10/01/2013, hiện đang sống với bà. Trương Giang Yến N đã trưởng thành nên bà không có ý kiến, yêu cầu gì. Bà yêu cầu nuôi con chung là Trương Giang Kim Ph, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trương Ngọc A đã được Tòa án cấp, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác, Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng ông A vẫn không đến tham gia phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giang Thị Tr đối với bị đơn ông Trương Ngọc A, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Giang Thị Tr có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà Tr.

[3] Bị đơn ông Trương Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông A.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Giang Thị Tr đối với bị đơn ông Trương Ngọc A: Bà Tr và ông A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố H vào năm 1994 đúng với quy định pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo như bà Tr trình bày, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông A hạnh phúc, đến đầu năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi nhau, bên cạnh đó ông A không có trách nhiệm trong việc chăm lo cho gia đình. Vợ chồng bà sống xa nhau từ giữa năm 2018. Bà Tr xét thấy, cuộc sống chung của vợ chồng bà không còn hạnh phúc, không còn yêu thương nhau nên bà Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông A. Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải vụ án nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho bà Tr và ông A tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông A vắng mặt không có lý do. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Tr và ông A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Tr đối với ông A.

[5] Về con chung: Bà Tr và ông A có 02 người con chung là Trương Giang Yến N, sinh ngày 27/6/1994 và Trương Giang Kim Ph, sinh ngày 10/01/2013. Cháu Trương Giang Yến N đã trưởng thành, bà Tr và ông A không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xét đến. Còn cháu Trương Giang Kim Ph chưa đủ 07 tuổi nên không xem xét của nguyện vọng của cháu Ph. Tuy nhiên, hiện cháu Ph do bà Tr nuôi dưỡng, bà Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, còn ông A không có ý kiến gì. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy yêu cầu được nuôi con của bà Tr là chính đáng và phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Giao người con chung Trương Giang Kim Ph cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà Tr tự nguyện không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Tài sản chung và nợ chung: Bà Tr trình bày bà và ông A không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Giang Thị Tr đối với bị đơn ông Trương Ngọc A.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Giang Thị Tr và ông Trương Ngọc A.

Về nuôi con chung: Giao người con chung là Trương Giang Kim Ph, sinh ngày 10/01/2013 cho bà Giang Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Giang Thị Tr không yêu cầu ông Trương Ngọc A cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Giang Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009426 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, bà Tr đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận***:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Phường X, Quận Y, Tp H (Giấy chứng kết hôn số 191 ngày 10/5/1994);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

**Võ Thị Minh Hiệp**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Minh Hiệp**